

VỮ TRỤ LUẬN TRONG TƯ TƯỞNG NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Trần Nguyên Việt^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: tranguyenviet.na@gmail.com

Nguyễn Thị Vân^()**

^(**) Thạc sĩ, Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh.

Email: vanyd1312@gmail.com

Tóm tắt: Trong tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), các quan điểm vũ trụ luận được trình bày theo tâm thế của nhà nho Trung thế kỷ, ở đó Nho giáo Trung Quốc, mà cụ thể là Tống – Minh Nho, không còn mang sắc thái thuần túy của Nho giáo Khổng – Mạnh bởi nhu cầu thời đại. Nói cách khác, Nho giáo đương thời đã được Phật giáo hóa và Đạo giáo hóa, giúp các nhà tư tưởng luận giải thế sự một cách hiệu quả hơn. Thông qua việc trình bày các quan điểm vũ trụ luận trên nền tảng kinh điển của triết học tự nhiên, Nguyễn Bình Khiêm đã làm rõ cả mặt “thể” và “dụng” của những quan điểm đó trong việc lý giải thế sự đương thời. Nhân kỷ niệm 440 năm ngày mất của ông, chúng tôi xin giới thiệu khái quát vũ trụ luận của Nguyễn Bình Khiêm nhằm góp phần phác họa chân dung nhà tư tưởng lỗi lạc của Việt Nam thế kỷ XVI.

Từ khóa: Thái cực, Âm dương, Chu Dịch, tam giáo, chính trị - đạo đức, nhân dật, tự tại.

Ngày nhận bài: 17/09/2025; ngày phản biện: 18/09/2025; ngày sửa chữa: 10/10/2025; ngày duyệt đăng: 15/10/2025.

1. Mở đầu

Đến thế kỷ XVI, lịch sử tư tưởng Việt Nam đã trải qua một bước tiến dài với nhiều giai đoạn tiếp biến tư tưởng giữa các học thuyết du nhập từ bên ngoài với các yếu tố bản địa. Có nhiều trường hợp, sự tiếp biến đó diễn ra trong khuôn khổ của mối quan hệ tam giáo (Nho, Phật, Đạo Lão – Trang), từ đó các quan điểm mang tính triết học như bản thể luận

(học thuyết về tồn tại), nhận thức luận (lý luận về nhận thức của con người), nhân sinh luận (thái độ ứng phó, ứng xử của con người trước các vấn đề của tự nhiên và xã hội), v.v., xuất hiện dù mới ở cấp độ chưa cao của các chủ thể phản tư, song đó cũng là những căn cứ quan trọng để chúng ta phân loại, đánh giá đúng mực về tư tưởng triết học của Việt Nam trong lịch sử. Nguyễn Bình

Khiêm không chỉ là nhà hoạt động nhà nước với nhân cách thanh cao về mặt đạo đức, tài giỏi về năng lực quản lý, mà còn là nhà thơ, nhà tư tưởng kiệt xuất của nước ta qua đánh giá của các học giả đời sau về ông và đặc biệt, qua di sản tư tưởng của ông còn lại cho đến ngày nay. Trong di sản quý báu đó, chúng ta bắt gặp khá nhiều quan niệm, quan điểm của ông về vũ trụ luận và với góc nhìn của nhà nho, ông muốn truyền tải thông điệp của vũ trụ (tức Trời, đạo trời) với những nguyên lý vận hành được thánh nhân khái quát trong sự tương ứng với thái độ ứng xử của con người với con người, với thiên nhiên.

2. Vài nét về nhà tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491, trong một gia đình có truyền thống Nho học. Cha ông là Văn Định, được tặng Thái bảo, tước Nghiêm Quận công, đạo hiệu là Cù Xuyên tiên sinh. Ông nội của Nguyễn Bình Khiêm là Văn Tĩnh, từng được phong tước Tư Quận công, Mẹ là Từ Thực phu nhân, con gái Thượng thư bộ Hộ Nhữ Văn Lan. Khi còn nhỏ, ông được cha dạy học, khi lớn lên thì theo học Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng (Thanh Hóa), từng làm nghề dạy học và phải đến năm 43 tuổi (1534) mới ứng thí kỳ thi Hương do nhà Mạc mở và đỗ đầu, năm sau đó đỗ trạng nguyên. Ông là nhà tư tưởng lỗi lạc và danh tiếng của ông không chỉ gắn với sự trung thành và liêm khiết ở chốn quan trường, mà còn tiếp tục được khẳng định khi ông lui về quê, tiếp tục dạy học, góp phần đào tạo nhiều nhân vật nổi tiếng cho đất nước

lúc bấy giờ, như Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Giáp Hải... Vì vậy, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm xứng đáng với biểu tượng “cây đại thụ” tỏa bóng suốt thế kỷ XVI mà các học giả sử dụng để tôn vinh ông.

Ngay sau khi trở thành trạng nguyên nhà Mạc (năm 1535), Nguyễn Bình Khiêm được vua Mạc bổ nhiệm chức vụ Đông các hiệu thư, về sau được thăng chức Tả thị lang bộ Hình, kiêm Đông các đại học sĩ (năm 1542). Với tư cách người hoạt động nhà nước, ông là tấm gương liêm khiết, dũng cảm chống lại tệ tham nhũng trong triều đình nhà Mạc. Ông từng dâng sớ lên vua Mạc xin chém 18 quan lộm thần nhưng không được chấp nhận, có lẽ vì lý do đó ông từ quan, trở về quê hương tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương, nay là thành phố Hải Phòng. Nguyễn Bình Khiêm được Vua Mạc (Mạc Phúc Hải) gia phong là Trình Tuyên hầu, và người đời quen gọi ông là Trạng Trình. Sau khi trở về quê hương, ông vừa dạy học, vừa trước tác thơ văn mang đậm nét tư tưởng của riêng ông – một nhà nho bước ra từ “cửa Khổng sân Trình”, lại vừa có lối sống của cư sĩ, đạo sĩ.

Trong thời gian rời chính trường, nghỉ hưu ở quê nhà, dù tuổi đã cao, Nguyễn Bình Khiêm nhiều lần được nhà Mạc mời tham gia tông chinh dẹp loạn. Cụ thể, vào năm 1554, ông theo quân Mạc đi đánh anh em Vũ Văn Mật ở Tuyên Quang; năm 1557, lấy tình thầy trò dụ Nguyễn Quyện bỏ Lê – Trịnh về với nhà Mạc. Năm 1560, ông nghỉ hưu lần thứ hai. Cũng năm này, vua Mạc là

Mạc Phúc Nguyên mất, Mạc Mậu Hợp nổi ngôi, Nguyễn Bình Khiêm lại tham gia chính sự. Và, đến năm 1563-1564, ông về hưu lần thứ ba.

Nguyễn Bình Khiêm mất ngày 28 tháng 11 năm 1585, thọ 95 tuổi. Các học trò của ông làm văn tế và tôn ông là Tuyết Giang phu tử (Người thầy sông Tuyết Giang). Bài Văn tế Tuyết Giang phu tử (Môn sinh tế Tuyết Giang phu tử văn) do Đinh Thị Trung soạn có câu:

“*Lý minh Thái Ất nhất kinh, nhiên lê chiếu Dương Hùng chi tạng phủ*” (Nghĩa là: Thông tỏ nghĩa lý của bộ kinh Thái Ất, rạng soi ruột gan Dương Hùng. Dương Hùng là học giả thời Hán, tác giả của sách Thái huyền kinh, một bộ sách mô phỏng 64 quẻ của Kinh dịch) (Nguyễn Bình Khiêm 2001: 618).

Trong lời tựa tập thơ *Bạch Vân am thi tập* (Am Bạch Vân là nơi Nguyễn Bình Khiêm sinh sống sau khi từ quan, đồng thời lấy danh xưng Bạch vân cư sĩ làm tên hiệu cho mình), ông cho biết mình sáng tác được hơn nghìn bài thơ. Tuy nhiên, trải qua một khoảng thời gian dài với những thăng trầm của lịch sử, thơ văn của ông bị thất thoát nhiều. Đến nay, “theo kết quả giám định, khảo cứu văn bản tương đối kỹ lưỡng của Phạm Văn Ánh, thì số thơ còn lại có 620 bài thơ chữ Hán, 153 bài thơ Nôm, tổng cộng là 773 bài, cách con số 1000 bài như Nguyễn Bình Khiêm đề cập cũng không phải là quá lớn” (*Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập* 2014: 43). Ngoài ra, Nguyễn Bình Khiêm còn ít nhất 4 bài văn.

Hướng tới kỷ niệm 440 năm ngày

mất của Nguyễn Bình Khiêm - nhà tư tưởng lỗi lạc của Việt Nam thế kỷ XVI, chúng tôi muốn trình bày khái quát một số quan điểm vũ trụ luận với tư cách cơ sở lý luận cho toàn bộ các quan điểm luân lý, đạo đức trong tư tưởng của ông.

3. Một số quan điểm về vũ trụ luận của Nguyễn Bình Khiêm

Trước hết, Nguyễn Bình Khiêm là nhà nho sống ở thế kỷ XVI, thời mà Nho giáo Trung Quốc phát triển mạnh về mặt học thuật, còn gọi là Tống Minh Nho. Thời kỳ này, Nho giáo Trung Quốc đã trải qua những bước thăng trầm lịch sử. Đến đời Tống (từ thế kỷ X), tinh thần học thuật của Nho giáo được phát triển. Về mặt thế giới quan, Tống Minh Nho chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo và Đạo gia, thậm chí nhiều người còn khẳng định Nho giáo bị Phật giáo hóa, Đạo giáo hóa.

Thật vậy, có thể nhận thấy điều đó trong quan niệm về bản thể của thế giới, cả về mặt vũ trụ tinh nguyên luận, tức là nguồn gốc vũ trụ, cho tới ảnh hưởng của vũ trụ luận đến nhân sinh luận trong hoạt động sống của con người. Về mặt đạo đức, Tống Minh Nho thể hiện cách đọc hiểu mới học thuyết chính trị - đạo đức của Nho giáo Khổng – Mạnh, mà mục tiêu của nó, suy cho cùng là luận chứng cho vị thế bệ đỡ hệ tư tưởng của chế độ phong kiến Trung Hoa nói chung, các nước đồng văn của nó nói riêng.

Như vậy, dù phát triển tư tưởng chính trị - đạo đức của Nho giáo Khổng – Mạnh, hay vận dụng cơ sở lý luận để giải thích nguồn gốc vũ trụ, theo chúng tôi, xuất phát điểm trong tư tưởng của

nhà nho vẫn là các bộ kinh điển (Tứ thư – Đại học, Trung Dung, Luận ngữ, Mạnh Tử; Ngũ kinh – *Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Xuân Thu và Kinh Dịch*). Trong đó, *Kinh Dịch* vốn được phát triển từ *Chu Dịch*, là cuốn sách bàn nhiều nhất đến các vấn đề vũ trụ tinh nguyên luận. Cụ thể là quan niệm về nguồn gốc vũ trụ bắt đầu từ nhị khí âm – dương và sự vận động, tác động, biến đổi của hai thế lực đối lập này để tạo thành vạn vật. Đúng như lời của Đinh Thi Trung ngợi ca người Thầy của mình – Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, người “thông tỏ nghĩa lý của bộ kinh Thái Ất” (Dẫn theo: Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập 2014: 103), dùng cơ sở triết học để giải thích vũ trụ và thế sự vô cùng phức tạp thời bấy giờ.

Thêm nữa, không phải ngẫu nhiên mà sử giả Trung Quốc Chu Xán Nhiên xác nhận rằng, “An Nam lý học hữu Trình Tuyên” (ở nước An Nam có Trình Tuyên hầu là nhà lý học) (Phan Huy Chú 2014: 358). Lý học theo tinh thần Tống Nho, là những nguyên lý cơ bản của vũ trụ và ở mức độ xác định, có ảnh hưởng đến hoạt động sống của con người về mặt nguyên tắc ứng xử như là phần cơ bản của nhân sinh quan.

Quan điểm của Nguyễn Bình Khiêm về nguồn gốc vũ trụ mang tính nhất quán – đó là Thái cực – một hỗn độn của nhị khí trước khi phân chia thành tam tài (thiên – địa – nhân), được ông gọi là **Nhất khí**. Trong bài thơ *Cảm hứng – tam bách cú* (ba trăm câu), ông viết:

“Thái cực sơ triệu phân,
Tam tài định quyết vị.

Khinh thanh thượng vi thiên,
Địa trục, hạ vị địa.
Trung tụ nhị vi nhân,
Bầm thụ thị nhất khí”.

(Thái cực lúc mới phân chia, vị trí của trời, đất, người đã định. Trong và nhẹ bay lên là trời, Đục và nặng lắng xuống là đất. Tụ hội ở giữa thì thành con người, Bầm thụ đều là một khí) (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập 2014: 1344-1354). Thừa nhận vũ trụ được tạo thành từ một khí (hỗn mang), bản chất của khí này vận động theo nguyên lý nhẹ và trong bay lên là trời; nặng và đục lắng xuống là đất. Tuy nhiên, sự kết tụ thành người phản ánh nguồn gốc hình thành nên sự sống mà đại diện cho sự phát triển trong phạm vi khoảng giữa chính là con người với tư cách là sinh thể cao quý nhất.

Vũ trụ hình thành và phát triển theo quy luật tương tác thừa trừ của âm và dương, được các thánh nhân đời xưa đúc kết, theo Nguyễn Bình Khiêm, không hề sai:

“Cơ ngẫu tông lai doanh hựu hư,
Âm dương tiêu tức nghiệm thừa trừ...
Thác tông vạn thù kim cổ sự,
Thống tông nhất lý thánh hiền thư”

(Số chẵn, số lẻ cùng ứng với hiện tượng đầy và vơi / Khí âm, khí dương khi mất đi, khi dừng lại, nghiệm ra theo luật thừa trừ... / Thâu tóm lại các đầu mối những việc xưa và nay / Quy nạp về một lẽ, ấy là các sách của thánh hiền) (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập 2014: 438-439).

Có thể nói, *Chu Dịch* (*Kinh Dịch, Thái Ất huyền kinh...*) là những tài liệu

kinh điển làm cơ sở lý luận cho các quan điểm vũ trụ luận của Nguyễn Bình Khiêm. Ông đọc, suy nghiệm những quy nạp của thánh hiền đời xưa để đối chiếu với những diễn biến trong giới tự nhiên cũng như thực tiễn đời sống xã hội. Ông chú ý nhiều đến sự “bĩ cực” và “thái lai” qua nghiên cứu hai quẻ Bác ☶ và Phục ☱ để có niềm tin vào tương lai tốt đẹp của một xã hội đang có những diễn biến phức tạp bởi sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái, sự nổi loạn của những thủ lĩnh địa phương, thậm chí trong nội bộ của giới cầm quyền đương thời.

Như vậy, sự xuất hiện, biến đổi và phát triển không ngừng của vũ trụ, tất thấy đều theo nguyên lý của Thái cực, tức là quy luật của tự nhiên mà Nguyễn Bình Khiêm gọi đó là Đạo, Đạo Trời. Tuy nhiên, để đạo được biến thông thì phải hội đủ ba yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa, nếu thiếu chỉ một trong ba yếu tố đó thì không còn là đạo trung nữa. Ở đây, chúng ta nhận ra hàm ý của cụ Nguyễn là Đạo người – sinh ra được trời ban cho cái tinh thần trong sáng và mạnh mẽ, cương trực, và chân thật; sự bồi đắp về mặt vật chất để tạo nên hình hài là đất, điều mà chúng ta thường nghe đến câu: “Trời sinh đất dưỡng”. Cả hai yếu tố tự nhiên này đều có quy luật riêng, nhưng có chung một công trình vĩ đại là con người và vạn vật. Tuy được bẩm thụ từ một khí Thái cực như nhau, song vì một hoàn cảnh nào đó, con người không giữ đúng vị thế đứng giữa trời đất, mà vi phạm đạo trung, ít nhiều làm sai lệch sự biến thông của đạo vũ

trụ, gây ra sự “bĩ cực” cho xã hội. Chính vì vậy, theo Nguyễn Bình Khiêm, các bậc thánh nhân đời xưa thể theo khuôn phép của trời mà đặt ra các nguyên tắc ứng xử có đạo đức cho muôn đời:

*“Duy thánh pháp hồ thiên,
Vạn thế lập nhân kỷ.
Khắc tòng ngũ điển vi,
Du tự cứu trừ bị.
Quân thần nghĩa sở tại,
Phụ tử thân chi chí.
Phụ phụ xướng nhi tùy,
Trưởng ấu cung thả để.
Hữu giao chỉ ư tín,
Giáo hóa tư vi mỹ”.*

(Duy có bậc thánh nhân mới có thể noi theo khuôn phép của trời, lập nên khuôn phép cho muôn đời. Có thể noi theo sự tốt đẹp của ngũ điển¹, xếp đặt đầy đủ cả cứu trừ². Quan hệ giữa vua - tôi có nghĩa ở đó, Quan hệ cha – con là chỗ chí thân. Vợ chồng thì chồng khởi xướng, vợ noi theo, lớn nhỏ thì lớn cung kính, nhỏ vâng thuận. Giao du với bạn bè thì dừng ở đức tín, giáo hóa thì noi theo những điều tốt đẹp ấy) (*Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập* 2014: 1345-1355).

Tóm lại, điều mà Nguyễn Bình Khiêm coi “nhất khí” của Thái cực trước khi nó phân chia (Thái cực → Lưỡng nghi → Tứ tượng → Bát quái → Vạn

¹ *Ngũ điển*: năm nguyên tắc ứng xử của con người với nhau được đúc kết trong các kinh điển của Nho gia.

² *Cứu trừ* có hai nghĩa: một là khái niệm dùng để chỉ chín phép trị nước, còn gọi là Hồng phạm cứu trừ; hai là không gian sống và tiến hóa của cộng đồng xã hội.

vật) là nhất quán, khác với các phương án của triết học Trung Hoa muốn truy nguyên xa hơn về nguồn gốc của vũ trụ (Vô cực, cái Một của Đạo gia), hoặc về nguồn gốc loài người trong các thần thoại (chuyện về Bàn Cổ và Tam Hoàng trong thần thoại Trung Quốc). Nguyễn Bình Khiêm không bàn đến quái trong *Quái, Loạn, Lực, Thần* của sách *Luận ngữ*, mà chỉ quan tâm nhiều đến thể sự mà ở đó, con người ứng xử với trời đất, với vua và người với người nói chung tạo nên. Nói theo ngôn ngữ triết học, con người là chủ thể sáng tạo nên lịch sử phát triển của bản thân và cộng đồng.

Không phủ nhận sự tồn tại của Trời với tư cách thể lực siêu nhiên về sự ban tặng cho con người quy luật sinh tử, Nguyễn Bình Khiêm quan niệm rằng, để không phạm đến trời, đến người, tốt nhất là con người phải giữ đạo trung, không lệch về đục và trong (Đạo ở mình ta lấy đạo trung, chớ cho đục, chớ cho trong) (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập 2014: 1546). Được như thế thì thân tâm đều an nhàn. Tuy nhiên, ở đây không chỉ liên quan đến “điểm vàng” được nêu trong sách *Trung Dung* là không thiên lệch, mà còn liên quan đến vấn đề nhận thức luận trong học thuyết Tống Nho kèm theo điều kiện “tâm tĩnh” để sự chân xác của sự vật được tri kiến. Nguyễn Bình Khiêm nhấn mạnh:

*“Dục nhận nhất chân thiên định xứ,
Hàn giang thu thủy nguyệt minh thì”*

(Muốn biết sự chân xác đúng nghĩa do trời định đặt, hãy ngắm ánh trăng trên mặt nước sông Tuyết giang vào lúc tĩnh lặng của đêm thu) (Thơ văn Nguyễn

Bình Khiêm tổng tập 2014: 347-348).

Để nhận biết điều đó, theo Nguyễn Bình Khiêm, không phải dễ. Đó là lời của Chu Hy đời Tống. Nguyễn Bình Khiêm muốn rằng, để nhận biết ánh trăng đêm thu trên mặt nước sông Tuyết còn điều kiện gì nữa không? Ông trả lời câu hỏi này bằng câu hỏi khác khi đứng từ góc độ Phật giáo:

*“Thánh học trần vu cửu thất chân;
Thùy tri sái sái dữ trần trần”³*

(Thánh học hoang vu, từ lâu đã mất sự chân xác, ai hay chuyện trong hạt bụi có cả quốc gia) (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập 2014: 202).

Thánh học, theo chúng tôi hiểu, là học thuyết của Khổng - Mạnh. Nó rất cụ thể bởi các nguyên lý luân lý đạo đức, nhưng không kém phần trừu tượng về mặt ứng dụng trong đời sống con người. Chính vì vậy, từ thời Tống trở đi, Nho giáo đã phải tìm phương pháp luận giải để người đọc hiểu đúng hơn và thực hành tốt hơn. Các học thuyết này coi sự bổ sung từ các học thuyết khác như Phật giáo, Đạo giáo là cần thiết những bí ẩn, siêu nhiên, nhưng đã từng chiếm lĩnh niềm tin của nhiều thế hệ và ở mức độ nhất định, đã được hợp lý hóa như một thành tố không thể thiếu trong đời sống tinh thần con người.

Có thể nói, trong thế giới quan của Nguyễn Bình Khiêm, ngoài phần chịu ảnh hưởng bởi Tống Minh Nho và Đạo

³ *Trần trần sái sái*: Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phật giáo quan niệm trong hạt bụi có một nước, trong một nước có các hạt bụi, trong hạt bụi lại có một nước, cứ thế trùng trùng điệp điệp chồng chất lên nhau (*trần trần sái sái*).

học, ông còn tìm hiểu Phật giáo để bổ sung cho nhận thức của mình về thế giới xung quanh (thế giới tự nhiên và xã hội), làm cho vũ trụ luận của ông có sự hiện diện của tam giáo. Để đạt tới điểm vàng (Đạo trung), mặc dù Nho giáo nói trung dung là chí đức, song trong những điều kiện nhất định, theo Nguyễn Bình Khiêm, “đời nay nhân nghĩa tựa vàng mười” thì nhân tình thế thái chắc chắn đổi thay. Do đó, điểm vàng trở nên tinh tế, nếu lòng người không ngay thẳng, cong vạy sẽ khó lòng đạt tới. Trong khi đó, Phật giáo đòi hỏi chủ thể nhận thức phải tuyệt đối tĩnh tâm, bởi lẽ tâm không tĩnh, sẽ dẫn đến vọng tâm, vọng tưởng, vọng niệm và đối tượng của nhận thức chỉ là ảo ảnh.

Trong tổ hợp tam giáo, cái quyết định đến nội dung tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm trước sau vẫn là Nho giáo, nghĩa là Nho giáo đóng vai trò chủ đạo. Tính chủ đạo ấy chi phối mọi hoạt động của ông khi nghĩ đến vận mệnh của đất nước, con người Việt Nam. Vì vậy, tư tưởng giáo dục của ông luôn hiện diện của lối sống và phong cách tư duy của con người Việt Nam đương đại. Giáo dục lối sống lành mạnh cho con người, trước hết là sự tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt cao thấp, sang hèn.

Như trên chúng tôi đã đề cập, Nguyễn Bình Khiêm đã lựa chọn đạo trung, coi đó vừa là mục đích, vừa là phương pháp thực hiện đạo làm người. Không chỉ chọn “điểm vàng” rất nhạy cảm, đạo trung còn quy định đạo đức của ông theo tinh thần trung quân: “Chẳng hết trung cần hai chữ ấy / Nhờ

ơn đất rộng cây trời cao” (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm 2014: 1534). Bởi vậy, “về hay ở”, “đỗ hay dừng”, đối với ông, là sự giằng co giữa “trung cần” và “nhàn dật”, mà bằng chứng là ông có tới 3 lần về hưu. Và, với tư cách một nhà thông thái, ông nhận thấy: “Trong tạo hóa có cơ mâu/ Hay đỗ hay dừng mới kéo âu” (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm 2014: 1553). Ông chọn lối sống nhàn, thuận theo tự nhiên của Đạo gia: “Đông ăn giá, hạ tắm ao”, tránh xa “cái trường lợi danh cuộn cuộn, ta yêu chiếc lều của ta nằm giữa vùng sông nước trúc tre” (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm 2014: 205)... Và, điều quan trọng, ông nhận thấy sự an nhàn đem lại một cuộc sống sướng như ông tiên trên trần:

*“Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ,
An nhàn ngã thị địa hành tiên”.*

(Ai là kẻ sĩ cao khiết trong thiên hạ/ Sống an nhàn, ta là bậc tiên trên thế gian) (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm 2014: 1403).

Với điểm xuất phát là sự am hiểu nguồn gốc của thế giới, vạn vật theo tinh thần tam giáo chứ không phải thuần Nho trong *Kinh Dịch*, kiến thức của Nguyễn Bình Khiêm về vũ trụ tinh nguyên luận và vũ trụ luận đạt tới mức vừa tinh tế, vừa giản đơn nhằm lý giải các mối quan hệ của con người. Đây cũng là điểm khác của ông so với nhà tư tưởng trước ông là Nguyễn Trãi, người tuyên bố sẽ đi theo con đường tu tiên bởi những éo le trong đời sống chính trị đương thời. Nguyên văn câu nói của Nguyễn Trãi trong buổi đưa tiễn một thiền sư:

“Lão khứ cuồng ngôn hưu quái ngã;

Lâm kỳ ngã diệc thượng thừa thiên”
(Nguyễn Trãi 1976: 353-354).

(Già rồi hay nói cuông, đừng lạ ta;

Từ biệt nhau rồi thì ta cũng sẽ tu đạo
thiên thượng thừa).

Nguyễn Bình Khiêm không chọn con đường tu thiên, mà chọn lối sống nhàn dật của một dật sĩ nho sĩ từng thành danh trong sự nghiệp chính trị, của một cư sĩ tự tại với những hiểu biết về bản thể của thế giới theo tinh thần Phật giáo và hai lối sống nhàn ấy được Lão – Trang hóa theo tinh thần tự do cá nhân của một đạo sĩ biết đủ, biết dừng trước tự nhiên và thế sự. Trần Đình Hượu nhận xét khá chính xác, cho rằng: “Triết lý nhàn dật, con đường tìm tự tại của Nguyễn Bình Khiêm là một hình thức pha trộn Nho, Phật, Lão – Trang, một hình thức quen thuộc của nhà nho sau Đường Tống” (Trần Đình Hượu 1986: 83). Đây cũng là xu hướng của lối sống hiện đại, kêu gọi mọi người sống chậm, biết đủ và đặc biệt là buông bỏ mọi uẩn khúc trong cuộc sống để đến với đạo người mang tâm thế nhân văn hơn.

4. Kết luận

Trên cơ sở trình bày khái quát về quan điểm vũ trụ luận trong tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm, chúng tôi cho rằng, các quan điểm đó được thể hiện theo tâm thế chính trị - đạo đức của Nho gia. Sự bổ trợ về mặt lý luận Phật và Đạo, về thực chất, nhằm giúp ông thuyết phục người đọc trong bối cảnh tam giáo hòa đồng ở nước ta đương thời, và điều đó đã từng xảy ra với Tống – Minh Nho. Để thuyết phục nhân tâm, ông lấy tư tưởng của Dịch

học làm căn cứ để luận giải những biến cố của lịch sử và dự đoán vận mệnh của dân tộc. Mỗi quan hệ lý – khí của ông không mang tính bản sao của Tống – Minh Nho, mà là sự kết hợp giữa tri thức của các thánh hiền được đúc kết trong các kinh điển về nguyên lý vận động và biến đổi của vũ trụ, đồng thời đem nó áp dụng vào thực tiễn đời sống xã hội bằng những lập luận xác đáng, không thể phủ nhận. Từ nền tảng của triết học tự nhiên vừa mang tính tiền triết học, cận triết học, vừa mang tính vượt trước nhưng không hề lạc hậu so với triết học hiện đại, Nguyễn Bình Khiêm đã hướng tư tưởng triết học của mình để giải quyết những vấn đề cấp bách đương thời với tư cách là nhà nho “hậu lạc, tiên ưu”. Tuy các trước tác của ông bị thất thoát, hoặc không mang tính hệ thống như những tác phẩm chuyên biệt bàn về triết học, song ở đó đã toát lên tính nguyên hợp của văn, sử, triết trong thời đại của ông, giúp chúng ta xác định vị thế của ông trong lịch sử tư tưởng dân tộc.

Tài liệu trích dẫn

1. Phan Huy Chú. 2014. *Lịch triều hiến chương loại chí. Nhân vật chí*. Tp.Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
2. Trần Đình Hượu. 1986. *Triết lý và thơ ở Nguyễn Bình Khiêm*. Tạp chí Triết học, số 1/1986.
3. Nguyễn Bình Khiêm. 2001. *Về tác gia và tác phẩm*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập*. 2014. Hà Nội: Nxb. Văn học.
5. Nguyễn Trãi. 1976. *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.